UBND XÃ HẢI CHÂU

TRƯỜNG MN DIỄN HOÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Châu, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ
KHỐI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI
NĂM HỌC 2025 – 2026

PHẦN A

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ

ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI

(Thực hiện từ 08 /9/2025 đến 15/5/2026)

(Ban hành kèm theo kế hoạch số /KH -TrMN ngày tháng năm 2025 của trường MN Diễn Hoàng)

TT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian
1	**Trường mầm non (3 tuần), thực hiện từ 08/9 đến 26/09/2025**	Trường Mầm non thân yêu	1,2	08-19/9/2025
		Lớp học của bé	3	22-26/9/2025
2	**Bản thân (3 tuần), thực hiện từ 29/09 đến 17/10/2025**	Bé tự giới thiệu về mình	4	29/09-03/10/2025
		Cơ thể tôi và bạn (Trung thu)	5	06-10/10/2025
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	6	13-17/10/2025
3	**Gia đình bé (3 tuần), thực hiện từ 20**/10 đến **07/11/2025**	Gia đình của Bé	7	20-24/10/2025
		Ngôi nhà bé ở - Đồ dùng trong gia đình bé	8	27/10-31/10/2025
		Nhu cầu của gia đình	9	03/11-07/11/2025
4	**Nghề nghiệp - Ngày Nhà Giáo Việt nam 20/11, ngày Tuần lễ sức khỏe,**	Bác nông dân	10	10/11 - 14/11/2025
		Ngày hội của cô giáo	11	17/11 - 21/ 11 / 2025
		Cháu yêu cô chú công nhân	12	24/11 – 28/11//2025

	TLQĐNDVN (6 tuần từ 10/11 đến 19/12/2025)	Nghề dịch vụ	13	01/12-05/12/2025
		Nghề y và Tuần lễ sức khỏe	14	08-12/12/2025
		Cháu yêu chú bộ đội	15	15 -19/12/2025
5	**Thế giới động vật, Ngày Thực hiện 04 tuần từ 22/12/2025 đến 16/01/2026)**	động vật nuôi trong gia đình	16	22- 26/12/2025
		động vật sống trong rừng	17	29-02/01/2026
		Một số động vật sống dưới nước	18	05 – 09/01/2026
		Chim và Côn trùng	19	12 - 16/01/2026
6	**Thế giới Thực vật - Tết nguyên đán và mùa xuân của bé (6 tuần, từ 19/01 đến 06/02/2026)**	Em yêu cây xanh	20	19- 23/01/2026
		Một số loại quả	22	02- 06/02/2026
		Bé vui đón tết	23	09 - 13/02/2026
		Nghỉ Tết NĐ		14 -27/02/2026
		Mùa xuân của bé	24	23 - 27/02/2026
		Ngày vui 8/3, các loại hoa	25	02 - 06/03/2026
		Phương tiện và quy định giao thông đường bộ- đường sắt	26	09-13/03/2026
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy -	27	16- 20/03/2026
		Phương tiện và quy định giao thông hàng không	28	23-27/03/2026
8	**Nước và các hiện tượng tự nhiên (Thực hiện 03 tuần từ 30/03 đến 17/4/2026)**	Nước-Vòng tuần hoàn của nước	29	30/03-03/04/2026
		Một số hiện tượng thời tiết và mùa các mùa trong năm	30	06-10/04/2026
		Tính chất của đất, đá, cát, sỏi	31	13-17/04/2026
9	**Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (Thực hiện**	Đất nước Việt Nam tươi đẹp	32	20-24/04/2026
		Quê hương yêu dấu	33	27/04- 01/05/2026
		Bác Hồ kính yêu - Mừng Sinh nhật Bác	34	04-08/05/2026

	04 tuần từ 20/4 đến 15/5/2026)	Bé vào lớp 1	35	11-15/05/2026
	TỔNG		**35 Tuần**	

PHẦN B
KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiên	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần.	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; ** Trong khi ăn:* - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn,		

	ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		

2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). **** Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	

3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu	Giáo viên và bảo vệ	

	bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.		

	+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát	- CBQL	

	hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2023 và tháng 3/2024) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. - Trẻ từ 61 đến 78 tháng tuổi theo dõi 3 loại biểu đồ: Ngoài việc theo dõi biểu đồ đánh giá về cân nặng, chiều cao thì có biểu đồ BMI (Lưu ý trẻ đủ 61 tháng tuổi trở lên mới theo dõi chỉ số BMI năm 2 lần vào tháng 12/2023 và tháng 3/2024). Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng đến phát triển thể chất sau này nên cần phải thực hiện chính xác trong thực hiện cân, đo cho trẻ b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn - Phụ huynh	

	- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm*** - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đường hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh		

	hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp*** - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật *(nếu có)*	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

PHẦN C

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I.PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Chiều cao cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi	Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cận nặng đạt: Trẻ trai: + Cân nặng từ 16 - 26.6 kg + Chiều cao từ 106.4 - 125.8 cm Trẻ gái : + Cân nặng từ 15 - 26.2 kg + Chiều cao từ 104.8 - 124.5 cm
2. Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khoẻ. (CS 10)	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá, trứng sữa + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, củ, các loại quả +Thực phẩm giàu chất bột, đường: Gạo, Ngô, khoai, sắn... + Thực phẩm giàu chất béo: Dầu, mỡ động vật, lạc, vừng .... *** LVPTNT- KPKH:** + Phân loại 4 nhóm thực phẩm. + Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh.
3.Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Chơi hoạt động góc : + Tổ chức sinh nhật bé + Bữa ăn gia đình.

	*** LVPTKNTCXH-KNS**: - Dạy trẻ kỹ năng sơ chế, chế biến các món ăn.
4. Thực hiện ăn uống đầy đủ, sạch sẽ và lành mạnh (CS11).	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất tăng sức đề kháng để phòng bệnh tật - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, suy dinh dưỡng, béo phì…)
5. Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ(CS9)	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng đúng thao tác. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội nước. - Rửa gọn, không vẩy nước ra ngoài - Biết rửa tay sau khi đi vệ sinh xong - Mặc trang phục phù hợp với thời tiết, - Tập làm công việc tự phục vụ: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, xâu, luồn, buộc dây. - Phân biệt trang phục theo từng mùa - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch. *** LVPTKNTCXH- KNS:** + Dạy trẻ kỹ năng mặc cởi quần áo + Dạy trẻ kỹ năng vắt khăn ướt + Dạy trẻ kỹ năng chải tóc, cột, tết tóc + Dạy trẻ biết cách buộc dây giày

6. Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	-Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự lấy cơm, chan canh vào bát. Biết lấy đúng cốc có ký hiệu của mình rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài… - Biết sử dụng bát, thìa, cốc theo ký hiệu riêng của từng cá nhân trẻ - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. *** LVPTNT- KPKH**: - Đồ dùng để ăn, để uống *** LVPTKNTCXH -KNS**: - Dạy trẻ kỹ năng cách sử dụng đũa.
7. Trẻ có một số hạnh vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh. cá nhân và môi trường sống gần gũi (CS12)	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể (mặc ấm về mùa đông, mát về mùa hè và phù hợp với thời tiết…) Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (Bỏ rác đúng nơi quy định, không khạc nhổ bừa bãi…) - Biết giữ gìn quần áo, đầu tóc gọn gàng. - Vệ sinh răng miệng: Đánh răng, hoặc súc nước muối sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. KNS

	+Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang đúng cách. + Dạy trẻ kỹ năng vệ sinh răng miệng. + Dạy trẻ kỹ năng đội mũ khi ra trời nắng. + Dạy trẻ quét, hốt rác. + Dạy trẻ kỹ năng phân loại rác - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết
8. Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn(CS13)	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sắc. - Không tự ý uống thuốc. - Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Trẻ biết những nơi như ao, hồ, mương nước, bể chứa nước, giếng, bụi rậm…là nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần - Trẻ nhận ra bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng…là những vật dụng nguy hiểm, nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn. - Nhận biết và phòng tránh những nơi không ăn toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. *** LVPTNT- KPKH:** +Phân loại đồ dùng trong gia đình + Một số đồ dùng sử dụng điện *** LVPTKNTCXH- KNS**: + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh hỏa hoạn. + Dạy trẻ cách phòng chống đuối nước + Dạy trẻ tránh xa nơi nguy hiểm

9.Nhân ra tình huông nguy hiêm và biêt cách xù lý phù hợp (tránh xa, kêu cứu, thông báo với người khác; (CS14)	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Thấy người bị đuối nước, bỏng, tai nạn, bắt cóc, nhận quà, đi theo người lạ, trèo cây, chui qua lan can … - Biết kêu cứu khi gười lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt, biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. + Không đi theo và nhận quà người lạ. + Dạy trẻ kỷ năng phòng tránh nguy cơ bắt cóc. + Phòng tránh hoả hoạn. + Trẻ làm gì khi bị lạc. - Biết số điện thoại của bố, mẹ hoặc người thân.
10. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Thực hiện các quy định: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi, không đi theo và nhận quà người lạ; không leo trèo cây, sang đường có người lớn dắc, đội mũ khi ngồi trên mô tô, xe máy. - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... (GT)- Không mang vật kim loại sắc nhọn lên trường, không ăn bánh kẹo không rõ nguồn gốc xuất xứ vào lớp học,…

	*** LVPTKNTCXH- KNS:** + Dạy trẻ biết cách đội mũ bảo hiểm. + An toàn khi tham gia giao thông.
b. Phát triển vận động	
11. Trẻ thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- Động tác tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; co duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Động tác lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, bước chân sang phải sang trái + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang trái, sang trái - Động tác chân + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau
12. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động, kiểm soát được vận động.	- Đi trên dây - Đi trên ván dốc - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối - Đi nối bàn chân tiến lùi - Đi thăng bằng trên ghế, mắt nhìn thẳng - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).

13. Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Tung- Ném- Bắt	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang - Ném trúng đích thẳng đứng - Đi và đập bắt bóng
14. Trẻ biết phối hợp các cơ quan trong cơ thể khi thực hiện các vận động Bò –Trườn- Trèo	- Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 7 gióng thang
15. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Chạy 18 m trong khoảng 10 giây - Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân- chạy nhanh 10 m. - Chuyền bóng bên phải, bên trái bên trái chạy chậm 120m. - Lăn bóng dích dắc qua 5 hộp cách nhau 60cm - Lăn bóng bằng 2 tay đi theo bóng - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc bằng bàn tay bàn chân, cách nhau 1,5 m - Bật xa, ném xa = 1 tay- chạy nhanh 10m - Ném trúng đích nằm ngang – nhảy lò cò - Ném trúng đích nằm ngang – nhảy lò cò - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

16. Trẻ thực hiện được các vận động Bật –Nhảy	- Bật liên tục vào vòng - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15-20 cm - Bật xa 44-50cm - Bật sâu 35-40cm
17. Trẻ biết phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ.	- Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) - Chuyền bóng bên phải, bên trái
18. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn - Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung - Tô, đồ theo nét - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã. cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya. - Cài, cở cúc, kéo khóa, xâu, luồn, buộc dây. *** LVPTNT LQVT:** + Chắp ghép hình theo mẫu + Chắp ghép hình thành các con vật + Chắp ghép hình thành các cây + Chắp ghép hình thành các PTGT
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1. Khám phá khoa học	
19. Trẻ ham hiểu biết, tò mò, khám phá môi quan hệ giữa đặc điểm các sự vật, hiện tượng xung quanh (CS64, 52)	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. *** HĐ trải nghiệm:** + Sự phát triển của cây + Sự ngưng tụ của nước

	+ Sự kỳ diệu của nước …
20. Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả …và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi + Đồ dùng, đồ chơi trong lớp, trường mầm non + Đồ dùng trong gia đình - Gọi tên, đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả + Một số loại rau, củ + Một số loại hoa, quả + Bé tìm hiểu về cây xanh. + Động vật nuôi trong gia đình. + Động vật sống trong rừng. + Động vật sống dưới nước. + Côn trùng và một số loài chim.
21. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	+ Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không được tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước với đời sống con người,con vật và cây. *** LVPTNT- KPKH** + Tìm hiểu về các nguồn nước. + Sự phát triển của cây từ hạt. + Cây xanh và môi trường sống **- HĐ Trải nghiệm** : + Gieo hạt(Quan sát sự phát triển của cây) + Thí nghiệm làm mưa + Thí nghiệm pha màu nước

	+ Thí nghiệm chất tan và không tan. + Không khí có ở mọi nơi.
22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa + Tìm hiểu về thời tiết và các mùa trong năm - Các nguồn nước trong môi trường sống. + Tìm hiểu một số nguồn nước.
23. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau (CS51)	- Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu. + Bé với một số phương tiện và quy định giao thông đường bộ. + Bé với một số phương tiện và quy định giao thông đường thủy. + Bé với một số phương tiện và quy định giao thông đường hàng không. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. + Phân nhóm, phân loại đồ dùng trong gia đình (Ăn, uống, sinh hoạt…) - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. + Cây thân cứng, thân mềm, cây cảnh, cây lấy gỗ. + Hoa cánh tròn, cánh dài. Quả 1 hạ, quả nhiều hạt, quả có múi, không có múi, vị chua, vị ngọt… + Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước, con trùng có lợi, có hại…
24. Trẻ dự đoán một số hiện tượng thiên nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS50)	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây + Sự kỳ diệu và lợi ích của nước. + Cây xanh và môi trường sống.

	+ Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + Mặt trang và các vì sao. + Thứ tự các mùa trong năm. + Các thứ trong tuần
25.Thảo luân, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân(CS69)	- Tò mò tìm tòi khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: Tại sao có mưa? Tại sao cây bị héo?
26.Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống(CS70)	- Sử dụng kinh nghiệm bản thân để giải quyết 1 số vấn đề đơn giản như dùng vật thay thế: Dùng chổi để làm ngựa, dùng lá chuối cuộn làm búp bê, … Hay có thể tự lấy quả bóng dưới gầm giường bằng cách dùng chổi hoặc gậy để chọc khoèo quả bóng ra mà không cần phải chui xuống gầm giường để lấy….
27. Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm,sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng
28.Tré biết sử dụng mật số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách và giải quyết vấn đề trong cuộc sống hằng ngày với sự hỗ trợ của người lón;(CS53,54)	- Làm quen với một số thiết bị công nghệ số như: ti vi, máy tính, máy chiếu. - Biết cách sử dụng an toàn dưới sự hướng dẫn của người lớn như: ngồi đúng tư thế, không bám linh tinh, không dùng thiết bị khi tay bẩn, tay ướt, biết chờ đến lượt và cất thiết bị đúng chỗ sau khi sử dụng. - Trẻ phát hiện khó khăn khi sử dụng công nghệ số, tìm cách giải quyết, thử giải quyết dưới sự hỗ trợ của người lớn.
2, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
29. Trẻ biết quan tâm đến các con số biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng

31. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được ktquả (CS43)	+ Đếm đến 5, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 5, Nhận biết số 5 + Đếm đến 6, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 6, Nhận biết số 6 + Đếm đến 7, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 7, Nhận biết số 7 + Đếm đến 8, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 8, Nhận biết số 8 + Đếm đến 9, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 9, Nhận biết số 9 + Đếm đến 10, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, Nhận biết số 10 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 5, so sánh số lượng trong phạm vi 5 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 6, so sánh số lượng trong phạm vi 6 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 7, so sánh số lượng trong phạm vi 7 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 8, so sánh số lượng trong phạm vi 8 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 9, so sánh số lượng trong phạm vi 9 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 10, so sánh số lượng trong phạm vi 10
32. Trẻ biết tách, gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm (CS42)	- Gộp tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 5, gộp, tách số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm khác nhau và đếm + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 6, gộp, tách số lượng trong phạm vi 6 thành 2 nhóm khác nhau và đếm + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 7, gộp, tách số lượng trong phạm vi 7 thành 2 nhóm khác nhau và đếm + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 8, gộp, tách số lượng trong phạm vi 8 thành 2 nhóm khác nhau và đếm

	+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 9, gộp, tách số lượng trong phạm vi 9 thành 2 nhóm khác nhau và đếm + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 10, gộp, tách số lượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm khác nhau và đếm
33. Trẻ biết nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các con số đó để chỉ số lượng, số thứ tự được sử dụng trong cuốc sống hằng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số - Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe, , số phòng cháy chữa cháy (cứu hỏa 114), số công an cơ động (113), cấp cứu 115…)
34. Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc. (CS46)	- Nhận biết sắp xếp các đối tượng theo quy tắc nhất định và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp mới.
35. Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả(CS44)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - So sánh chiều dài 3 đối tượng - So sánh chiều cao 3 đối tượng -So sánh chiều rộng 3 đối tượng
36. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật (CS45)	- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
37. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn (CS47)	+ Xác định vị trí đồ vật (Phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ.

	+ Xác định vị trí đồ vật (Phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải-phía trái) so với bạn khác, với vật nào đó làm chuẩn. + Xác định vị trí đồ vật (Phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải-phía trái) với vật nào đó làm chuẩn.
38. Trẻ phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày (CS48)	- Nói hôm nay, hôm qua, ngày mai là thứ mấy - Nói được hôm qua đã làm được những việc gì, hôm nay, ngày mai sẽ làm gì? **LQVT:** + Thứ tự các thứ trong tuần.
39. Trẻ nói được ngày trên mốc lịch và giờ trên đồng hồ (CS49)	- Lịch và giờ trên đồng hồ - Nói giờ chẵn trên đồng hồ
3, Khám phá xã hội	
40. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình + Bé tự giới thiệu về mình. + Cơ thể tôi và bạn.
41. Trẻ nói được địa chỉ gia đình, tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Dạy trẻ nhận biết địa chỉ gia đình. Các thành viên trong gia đình: nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (GĐ nhỏ, gđ lớn, gia đình đông con, gia đình ít con..). Một số nhu cầu của gia đình(Nhu cầu ăn, ở, đi lại, vui chơi, giải trí, du lịch, mua sắm..)..
42. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp và các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	.- Dạy trẻ biết Trường MN Diễn Hoàng ở Xóm Trung tiến- Diễn Hoàng-Diễn Châu-Nghệ An. Trường MN là nơi tổ chức các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ 2- 6 tuổi. Có đội ngũ giáo viên yêu nghề, yêu trẻ, có nhiều thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện đại đảm bảo an toàn,….+ Trường MN của bé - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường

	+ Lớp học của bé
43. Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong nhà trường	- Dạy trẻ biết được công việc của cô giáo mầm non là bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ….cô giáo MN giống như người mẹ hiền thứ 2 của cac con ở trường…. Công việc của các bác trong trường(Nhân viên nuôi dưỡng: Chế biến những món ăn ngon cho các con ăn hàng ngày,bác bào vệ làm nhiệm vụ bảo vệ toàn bộ tài sản cơ sở vật chất nhà trường, đồng thời bác còn 1 nhiệm vụ nữa là cùng với các cô giáo bảo vệ các con.... + các hoạt động của bé ở trường Mầm non.
44. Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến,,(Nghề dạy học, nghề bác sỹ, công nhân...) nghề truyền thống của địa phương (Nghề đan lát, nghề làm trống...) + Bé tìm hiểu nghề sản xuất. + Tìm hiểu nghề làm trống + Bé tìm hiểu xây dựng + Bé tìm hiểu nghề bác sỹ. + Cô giáo của em + Nghề dịch vụ bán háng, làm đẹp...). + Cháu yêu chú bộ đội.
45. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội	- Dạy trẻ nhận biết một số ngày lễ hội được tổ chức trong trường mầm non Ngày hội đến trường của bé, ngày tết trung thu, ngày nhà giáo việt nam 20/11, lễ hội mừng xuân, tết nguyên đán, ngày vui 8/3, ngày sinh nhật Bác, ngày quốc tế thiếu nhi 01/06…và các hoạt động nổi bật của các ngày đó:
46. Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	- Một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước: + Lăng Bác Hồ(Hà nội) + Quảng trường Hồ Chí minh(Vinh) + Quê nội, quê ngoại của Bác (Nam Đàn)

	+ Khu du lịch sinh thái Diễn Lâm, biển cửa lò..... + Lễ hội đền cuông (Diễn châu) được tổ chức vào ngày 13-15/2 âm lịch hàng năm với nhiều hoạt động sôi nổi như: Thi người đẹp đền cuông, thi bóng chuyền, thi trại đẹp, ...và nhiều hoạt động sôi nỗi khác. - Lễ hội đền cuông(Diễn châu) được tổ chức vào ngày 13-15/2 âm lịch hàng năm với nhiều hoạt động sôi nổi: - Sự kiện văn hóa di tích lịch sử của quê hương Diễn Hoàng: Lễ cầu yên đền Bà Quận tổ chức vào ngày 12/01 âm lịch hàng năm. - Đền thờ liệt sỹ, Đền Tám Mái, Sông sơn tịnh, cầu giai, Hòn Hung, Hòn thè Xã Diễn Hoàng Diễn Châu Nghệ An. - Trẻ nhận biết về làng xóm nơi trẻ sống: Nhà văn hóa, sân vận động, trạm y tế, trường tiểu học, trung học….
47.Trẻ nhận biết và phát âm một số từ tiếng Anh đơn giản.	- Làm quen với một số từ Tiếng Anh đơn giản theo chủ đề: Con vật, bản thân, quả...
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe hiểu lời nói	
48. Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.(CS33)	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp - Biết dùng từ ngữ lịch sự khi nhờ hoặc đề nghị người khác, biết lắng nghe và đáp lại lời nói nhã nhặn.
49. Trẻ diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau (CS34)	- Hiểu các từ khái quát về đặc điểm, tính chất, công dụng hay nhóm đối tượng: Động vật trong gia đình, dưới nước, trong rừng, đồ dùng, đồ chơi… Từ trái nghĩa: Trắng- đen, cao- thấp, to- nhỏ, hiền lành – hung giữ; … -Diễn tả bằng lời nói, bằng hành động cử chỉ, bằng hình ảnh, sản phẩm tạo hình, bằng trò chơi, vai chơi.

50. Trẻ chú ý lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại;(CS30, 31)	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
2, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
51. Trẻ sử dụng được các loại câu để người nghe có thể hiểu được(CS32)	- Dạy trẻ bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ rang, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau
52. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…. phù hợp với ngữ cảnh	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?" - Đặt các câu hỏi "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?"
53. Trẻ biết phát âm các từ bằng tiếng Anh chỉ tên gọi các bộ phận cơ thể, con vật, cây, hoa, quả, đồ vật, PTGT, sự vật, hoạt động, đặc điểm, màu sắc, các thứ trong tuần, thứ tự các số trong dãy số tự nhiên trong phạm vi 10….	Trẻ phát âm thông qua hình ảnh quen thuộc gần gũi chỉ chỉ tên gọi các bộ phận cơ thể, con vật, cây, hoa, quả, đồ vật, PTGT, sự vật, hoạt động, đặc điểm, màu sắc, các thứ trong tuần, thứ tự các số trong dãy số tự nhiên trong phạm vi 10….thông qua các hoạt động trẻ làm quen Tiếng Anh
54. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè trong chương trình phù hợp độ tuổi. **** Chủ đề: Trường mầm non*** - "Cô giáo của em";"Tình bạn"; "Gà học chữ"; "Làm quen chữ số";"Bé học toán"; "Lời chào"; "Cô và mẹ"; "Bé đến lớp"; "Bạn mới"; "Mèo con đi học" - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Trường mầm non **** Chủ đề: Bản thân***

	- "Đôi mắt của em"; "Bé ơi"; "Cái lưỡi", " Những con mắt" "Tay ngoan"; "Cô dạy"; "Thỏ bông bị ốm"; "Miệng xinh"; "Quà trung thu"; "Trăng ơi từ đâu đến" (Trần Đăng Khoa) - Đọc ca dao " Tay đẹp", câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về bản thân **** Chủ đề: Gia đình*** - "Em yêu nhà em"; "Vì con"; "Thương ông"; "Thăm nhà bà"; "Lấy tăm cho bà"; "Cây ngô"; "Giữa vòng gió thơm";"Nhà ngoại"; "Làm anh"; "Mẹ của em". - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Gia đình ****Chủ đề: Nghề nghiệp*** - "Cô giáo của em"; "Làm nghề như bố"; "Làm Bác sỹ"; "Chú bộ đội hành quân trong mưa"; "Chú giải phóng quân"; "Bé làm bao nhiêu nghề"; "Đi bừa"; "Chiếc cầu mới"; "Xe chữa cháy"; "Cái bát xinh xinh"; "Bác nông dân"; "Ước mơ của tý" (Lưu Thị Ngọc Lễ: Quãng Ngãi) - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Nghề nghiệp ****Chủ đề: Động vật*** - "Những chú lợn con", "Mèo đi câu cá (Thái Hoàng Linh)", "Nàng tiên ốc", "Bó hoa tặng cô", "Gà nở (Phạm Hổ)", "Kiến tha mồi (Vũ QuangVinh)", "Vè loài vật (Hoàng Hương sưu tầm)", "Gà mẹ đếm con, (Nguyễn Duy Chế)", " Ong và bướm", "Chú ếch con", Anh dế mèn", " Chú chim sâu", " Con voi", " Đàn bướm" Đồng dao, ca dao: "Vè loài vật" - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Thế giới động vật

	**** Chủ đề: Thế giới thực vật – tết và mùa xuân*** - "Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương)", "Tết đang vào nhà", "Cây dừa (Trần Đăng Khoa)", "ăn quả", "Bác bầu, bác bí", "Cây dây leo", "Vườn cải", "Cây đào", "Mùa xuân (Tú Mỡ)", "Hoa kết trái (Thu Hà)" - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Thế giới thực vật – tết và mùa xuân **** Chủ đề: Giao thông*** - "Đèn giao thông (Mỹ Trang)", "Mẹ đố bé (Trích: "Cháu chọn hạt nào" của Phạm Hổ)", "Cô dạy con (Nguyễn Thị Sen)", "Gấu qua cầu", "Giúp bà (Hoàng Thị Phảng)", "Cô dạy con (Bùi Thị Tình)", "Em thích được vẽ (Trần Thị Mai)", "Bé và mẹ (Lương Thị Xiêm)", "Đi chơi phố", "Đi đường em nhớ", "Chúng em học luật giao thông". " Bến cảng hải phòng" (Nguyễn Hồng Kiên) - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Giao thông **** Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên*** - "Hoa hồng và giọt sương", "Cầu vồng (Xuân Quỳnh)", "Ông mặt trời", "Trưa hè", "Mùa hạ tuyệt vời (Phạm Hưng Long)", "Gió (Xuân Quỳnh)", "Trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa)", "Giọt nắng". - Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về nước và các hiện tượng thời tiết **** Chủ đề: Quê hương đất nước - Bác Hồ*** - "Bác Hồ của em", "Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa)", "Quê em vùng biển", "Gà tơ đi học", "Bé vào lớp một (Đinh Dũng Toàn)" " Hoa quanh lăng Bác", Em vẽ Bác Hồ" (

	Thy Ngọc), Về thăm nhà Bác" (Nguyễn Đức Mậu) **- Đọc ca dao, câu đố, tục ngữ, kể chuyện sáng tạo về Quê hương đất nước - Bác Hồ**
55. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện… trong nội dung truyện	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể lại sự việc theo trình tự **** Chủ đề: Trường mầm non*** - "Món quà của cô giáo", "Vịt con đi học", "Bạn mới", "Mèo con và quyển sách", "Chiếc áo đẹp", "Bài học đầu năm" **** Chủ đề: Bản thân*** - "Tay phải, tay trái", "Gấu con bị sâu răng", "Cậu bé mũi dài", "Đôi tai xấu xí", "Mỗi người một việc", " giấc mơ kỳ lạ" **** Chủ đề: Gia đình***

	- “Ba cô gái”, “Hai anh em”, “Ai đáng khen nhiều hơn”, “Gấu con chia quà”, “Cô bé quàng khăn đỏ”, “Quà tặng bạn”, “Bác gấu đen và hai chú thỏ” “ Tích chu”, “ Cây khế”, Bông hoa cúc trắng” ***Chủ đề: Nghề nghiệp*** - “ Ba anh em(Theo truyện cổ Việt Nam)”, “Chim thợ may”, “Vẽ chân dung mẹ”, “Gà trống choai và hạt đậu”, “Chàng rùa (Theo truyện cổ Việt Nam)”, “Cây tre trăm đốt (Theo truyện cổ Việt Nam)”, “Thần sắt (Theo truyện kể dân tộc thái)”, “Sự tích quả dưa hấu (Ttheo truyện cổ Việt Nam)” “ Cây rau của thỏ út” ***Chủ đề: Động vật*** - “Chàng rùa (Phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam)”, “Chú dê đen”, “Hai anh em gà con”, “Chuyện của loài voi (Trần Thị Ngọc Trâm)”, “Nhím con kết bạn (Trần Thị Ngọc Trâm)”, “Cá cầu vồng (Cẩm Bích sưu tầm)”, “Con gà trống kiêu căng”, “Cá diếc con (Nguyễn Đình Quảng)”, “Cá rô con lên bờ”. “ Nòng nọc tìm mẹ”, Cáo thỏ và gà trống” “ Bác gấu đen và 2 chú thỏ” “ Vì sao Hươu có sừng”, “ Chú thỏ tinh khôn” **** Chủ đề: Thế giới thực vật – tết và mùa xuân*** - “Sự tích bánh chưng, bánh dày (Theo truyện cổ Việt Nam)”, “Quả bầu tiên (Theo truyện cổ Việt Nam)”, “Cây tre trăm đốt (Phỏng theo truyện cổ tíchViệt Nam)”, “Chú đổ con (Viết Linh)”, “Sự tích hoa đào”, “Cây táo”, “Cây khế” “ Cây táo thần”, “ Chú đỗ con” “ Sự tích hoa hồng”, Chuyện trong vườn”, “ Thì là” **** Chủ đề: Giao thông***

	- "Qua đường", "Kiến con đi ô tô", "Xe lu và xe ca", "Quà tặng mẹ", "Thỏ con đi học", "Xe đạp con trên đường phô", "Câu chuyện về chiếc xe ủi", "Chuyến du lịch của gà trống choai", " Kiến thi an toàn giao thông", " Thỏ con đi học", " Một phen sợ hãi", " Ai quan trọng hơn" **** Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên*** - "Giọt nước tý xíu (Nguyễn Linh)", "Cóc kiện trời (Phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam)", "Sơn tinh, Thuỷ tinh (Phỏng theo truyen cổ tích Việt Nam)", "Cô mây: (Nhược thủy)", "Sự tích ngày và đêm: (Thu Thủy kể)" " Đám mây đen xấu xí", " Nàng tiên mưa", Hồ nước và mây", " Lời ru của trăng", " Sự tích mùa xuân", Cô con gái út của ông mặt trời" **** Chủ đề: Quê hương đất nước - Bác Hồ*** - "Sự tích Hồ gươm (Phỏng theo Truyền thuyết: Sự tích Hồ Gươm)", "Niềm vui bất ngờ (Theo cuốn Bác Hồ kính yêu)" , "Ông Gióng: (Phỏng theo truyện cổ Việt Nam)", " Thế là ngoan", " Sự tích con rồng cháu tiên"
56. Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện. Kể chuyện theo cách riêng.(CS35)	- Trẻ biết đóng vai một số nhân vật trong truyện kể phù hợp độ tuổi (Đóng kịch) - Kể chuyện bằng nhiều hình thức: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cơ thể, nghệ thuật, dựa vào tranh, đồ vật hoặc sự việc đã trải qua.
57. Trẻ biết sử dụng các từ "cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng" phù hợp với tình huống. Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Dạy trẻ sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng phù hợp với tình huống. - Dạy trẻ nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
58. Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân - Nghe và nhận ra âm giống nhau trong tiếng(CS39)	- Dùng ngôn ngữ để diễn đạt, cố gắng để người khác hiểu được cảm xúc của mình - Nhận biết âm trong tiếng quen thuộc, phát hiện âm giống nhau, lặp lại âm để ghi nhớ.

59. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (CS 72)	- Mạnh dạn, chủ động trong giao tiếp
3, *Làm quen với việc đọc viết*	
60. Trẻ thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in (CS36)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Biết cách xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Khám phá nội dung sách theo khả năng. - Giữ gìn và bảo vệ sách, để sách đúng chỗ sau khi sử dụng.
61. Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- "Đọc" truyện qua tranh vẽ
62. Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Dạy trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt
63. Trẻ nhận biết một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;(CS37)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh,nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông…
64. Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng 29 chữ cái qua hoạt động LQCC, trò chơi với các chữ cái.
65. Trẻ thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, viết và bắt chước hành vi viết (CS 40,41)	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình
66. Trẻ biết viết chữ theo thứ tự từ trái qua phải từ trên xuống dưới	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1, Thể hiện ý thức về bản thân	
67. Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yêu và tự hào về đặc điểm riêng và khả năng của bản thân(CS16,,18)	- Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc làm được và những việc không làm được. - Sở thích và khả năng của bản thân
68. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi)

Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác.(CS29).	- Biết đưa ra lời hứa đơn giản và thực hiện đúng lời hứa, biết được hậu quả khi không giữ lời hứa.
2, Thể hiện sự tự tin, tự lực	
69. Sẵn sàng chủ động tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng;(CS 65,66,67)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, chủ động và độc lập trong một số hoạt động(Cố gắng hoàn thành 1 bức tranh, Sắp xếp đồ dùng đồ chơi lên giá ngăn nắp gọn gàng, làm trực nhật theo lịch đã được phân công, giúp đở cô 1 số công việc…
3, *Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh*	
70. Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác (CS 27)	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc - Kể lại đúng sự việc không thêm bớt bịa đặt, biết phản ánh lại với người lớn, phân biệt đúng sai.
71.Goi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó;(CS17)	-Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau
72. Trẻ biết an ủi, chia vui với người thân và bạn bè(CS19)	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác
73. Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (CS 20)	- Giữ thái độ chú ý trong giờ học - Vui vẻ, hào hứng đối với sự kiện tổ chức ở nhà và trường - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau
74. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ	- Xem tranh ảnh, vi deo các hình ảnh về hoạt động của Bác Hồ và các địa điểm gắn liền với các hoạt động của Bác: Bác Hồ đang múa hát cùng các cháu thiếu nhi trong ngày tết trung thu, bác hành quân cùng các chiến sỹ, bác tham gia gặt lúa cùng người dân đồng tháp, Bác tham gia luyện tập thể thao cùng các chú bộ đội…

	+ Bác Hồ kính yêu và ngày sinh nhật Bác.
75. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Dạy trẻ hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác.
4, Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
76. Trẻ thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi; (CS25)	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường) - Biết chào hỏi, thưa gửi, biết giúp đỡ công việc vừa sức, chia sẽ tình cảm trong gia đình. - Lễ phép với cô giáo, tuân thủ nội quy của lớp, hợp tác chia sẽ , nhường nhịn. - Biết chào hỏi người quen, giữ gìn trật tự công cộng, biết quy tắc an toàn cơ bản.
77. Thể hiện hành vi ứng xử Văn hoá với người khác và môi trường;(CS23)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận trong các giờ: Vệ sinh, ăn và các hoạt động khác trong ngày. -Trẻ chú ý nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác - Trẻ biết chờ đến lượt
78. Trẻ biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẽ kinh nghiệm với bạn(CS24)	- Quan tâm, tôn trọng sự khác biệt, chia sẽ, giúp đỡ bạn, hợp tác chơi cùng bạn, thể hiện sự yêu thương thân thiện với bạn
79. Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi; (CS28)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu"
80. Trẻ chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn (CS 51)	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm - Nhận và thực hiện vai chơi của mình trong trò chơi cùng nhóm
5, Quan tâm đến môi trường	

81. Trẻ nhân biết môi quan hê giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp (CS26)	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối, giữ vệ sinh môi trường, tiết kiệm tài nguyên, yêu quý thiên nhiên và tham gia bảo vệ môi trường. - Con người cần không khí, ánh sáng… con người tác động đến môi trường có thể làm hỏng, ô nhiễm môi trường,…
82. Trẻ có trách nhiệm với bản thân, thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường(CS21,22)	- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe, vệ sinh cá nhân, việc làm của mình (tự mặc quần áo, cất đồ dùng…). - Trẻ biết quan tâm, giúp đỡ bạn bè, lễ phép với người lớn, không làm ảnh hưởng đến người khác. - Trẻ biết giữ gìn đồ chơi, lớp học sạch sẽ, không vứt rác bừa bãi, chăm sóc cây xanh, vật nuôi. - Giữ gìn vệ sinh môi trường + Dạy trẻ kỹ năng nhặt rác, phân loại rác.
83. Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt	- Dạy trẻ tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn, tiết kiệm điện nước + Dạt trẻ kỹ năng sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt.
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
84. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) *** Chủ đề: Trường mầm non** - Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện) - Mầm non hạnh phúc thân yêu (Vũ Cẩm) - Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mân) - Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên) - Cô giáo miền xuôi" (Mộng Lân)

	- Đi học (Bùi Đình Thảo) - Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện). - Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh) - Bài ca đi học (Phan trần Bảng) - Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường) *** Chủ đề: Bản thân** - Xòe bàn tay, đếm ngón tay (Minh Quân) - Năm ngón tay ngon (Trần Văn Thụ) -Thật đáng chê (Theo điệu: Bắc Kim Thang- Dân ca Nam bộ; Lời: Việt Anh) - Thằng tý sún (Hùng Lân) - Nắm tay thân thiết (nhạc nước ngoài) - Mừng sinh nhật (nhạc nước ngoài) - Cánh chim tuổi thơ (Phan Long) - Khuôn mặt cười *** Chủ đề: Gia đình** - Mẹ ơi tại sao (Nguyễn Đình Nguyên) - Cho con (Phạm Trọng Cầu) - Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ) - Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân) - Có ông, có bà, có má có ba (Sông Trà) - Gia đình nhỏ, hạnh phúc to (Nguyễn Văn Chung) - Ngôi sao nhỏ (Tường Văn) - Mẹ yêu con(Nguyễn Văn Tý). - Bàn tay mẹ. - Niềm vui gia đình. - Gặp mẹ trong mơ. *** Chủ đề: Nghề nghiệp** - Ba lô con cóc (Vũ Hoàng) - Anh phi công ơi (Vũ Thanh)

	- Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ bắc ninh) - Hạt gạo làng ta (NhạcTrần Viết Bính, Thơ Trần Đăng Khoa) - Cháu hát về đảo xa (Trần Xuân Tiên) - Bông hồng tặng cô (Trần Quang Huy) - Màu áo chú bộ đội(Nguyễn Văn Tý) - Ước mơ xanh (Lệ Giang) -Lớn lên em sẽ làm gì(Trần Hữu Pháp) - Tía má em (Văn Lương) *** Chủ đề: Chủ đề động vật** - Lý con khỉ (Dân ca nam bộ) - Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên) - Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền) - Tôm cá cua thi tài (Phan Nhân) - Con chim vành khuyên (Hoàng Vân) - Chú ếch con (Phan Nhân) - Chú mèo con. (Nguyễn Đức Toàn) - Thật đáng chê (Việt Anh) - Lượn tròn, lượn khéo (Văn Chung) *** Chủ đề: Thực vật- Tết nguyên đán** - Hoa trong vườn (Hoàng Hoàn) - Cây trúc xinh (Dân ca quan họ bắc ninh) - Quả (Xanh Xanh) - Tết đến rồi (Công Khanh) - Vườn cây của ba (Phan Nhân) - Ngày xuân long phụng sum vầy (Quang Huy) - Lý cây bông (Dân Ca nam bộ) - Ngày tết quê em (Từ Huy) - Inh lả ơi (dân ca Thái) - Hoa thơm bướm lượn (DC quan họ). - Hoa lá mùa xuân(Hoàng Hà).

	*** Chủ đề: Giao thông** - Từ một ngã tư đường phố (Phạm Tuyên) - Anh phi công ơi (Vũ Thanh) - Bé học luật giao thông (Hoàng Dinh) - Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến) - Cô dạy bé bài học giao thông (Lâm Trọng Tường) - Màu mắt ai(Hồng Ngọc) - Lá thuyền ước mơ (Thảo Linh) *** Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên** - Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ Bắc Ninh) - Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh) - Mưa rơi (Dân ca Xá) - Hè về, hè về (Hùng Lân) - Em bé và hạt mưa (Nguyệt Hằng) - Mưa hè (Lê quốc Thắng) - Ánh trăng hòa bình. (Hồ Bắc) - Mùa hoa phượng nở.(Hoàng Vân) *** Chủ đề: Quê hương đất nước- Bác Hồ** - Việt Nam quê hương tôi (Đỗ Nhuận) - Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lân) - Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng(Phạm Tuyên) - Trường em (Trịnh Công Sơn) - Đi học (Bùi Đình Thảo) - Em đi giữa biển vàng (Bùi đình Thảo) - Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Lân) - Trái đất này là của chúng mình - Em yêu trường em

85. Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, với hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ(CS62)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát *** Chủ đề: Trường mầm non** - Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến) - Chào ngày mới (Hoàng Văn Yến) -Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên) - Bàn tay cô giáo (Nhạc: Phạm Tuyên; Lời: Định Hải) - Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên) - Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên) - Gác trăng (Hoàng văn Yến) - Lớp chúng mình (Mộng Lân) - Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến) *** Chủ đề: Bản thân** - Cái mũi (Nhạc: Nước ngoài; Lời Lê Đức - Thu Hiền) - Hãy xoay nào (Nhạc: Hàn Quốc) - Thật đáng yêu (Nghiêm Bá Hồng) - Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo) - Mời bạn ăn (Nhạc và lời: Trần Ngọc) - Hãy nhanh tay (Nhạc nước ngoài) - Khuôn mặt cười (Nguyễn Hậu) - Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo) - Bàn tay nắm lại (Nhạc nước ngoài) - Tập tầm vông(Lê Cao Phan) - Đôi mắt xinh. (Nguyễn Ngọc Thiện) *** Chủ đề: Gia đình** - Ông cháu (Phong nhã) - Múa cho mẹ xem (Xuân Giao) - Nhà của tôi (Thu Hiền) - Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn) - Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh)

	- Bé quét nhà (Nhạc: Hà Đức Hậu – lời Yên Giang) - Quạt bà, quạt bố (Nhạc: Trương Pháp – thơ: Lâm Thắng) - Biết vâng lời mẹ (Minh Khang) - Có ông bà có ba có má (Sông Trà) - Mẹ đi vắng (Trịnh Công sơn) *** Chủ đề: Nghề nghiệp** - Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền) - Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân) - Chú bộ đội (Hoàng Hà) - Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến) - Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu) - Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân) - Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến) - Ba em là công nhân lái xe (Lê văn Lộc) - Chiến sỹ tý hon (Việt Anh) - Bố mẹ em (Tía má em – Văn Lương) *** Chủ đề: Chủ đề động vật** - Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê) - Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên) - Cá vàng bơi (Hà hải) - Đố bạn (Hồng Ngọc) - Chú ếch con (Phan Nhân) - Ta đi vào rừng xanh (Nhạc nước ngoài) - Chú khỉ con (Bùi Anh Tôn) - Chú chuột nhắt (Nguyễn Văn Hiên) - Thật đáng chê (Việt Anh) - Chú thỏ con - Vì sao mèo rửa mặt - Chị ong nâu và em bé

	- Chú mèo con *** Chủ đề: Thực vật- Tết nguyên đán** - Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân) - Lá xanh (Thái cơ) - Bầu và bí (Nhạc Phạm Tuyên; Lời ca dao cổ) - Hoa trường em (Dương Hưng Bang) - Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến) - Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu) - Em thêm một tuổi (Nhạc Hoàng Long; Lời: Xuân Tửu) - Mùa xuân (Hoàng Văn Yến) - Ngày vui 8/3 - Ra thăm vườn hoa - Tết đến rồi *** Chủ đề: Giao thông** - Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân) - Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến) -Em đi chơi thuyền (Trần kiết Tường) - Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính) - Chúng em chơi giao thông (Hoàng Văn yến) -Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh; Thơ: Thế hội) - Bạn ơi có biết - Đi xe đạp - Cô dạy bé bài học giao thông - Bé học luật giao thông *** Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên** - Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà) - Mùa hè đến (Tô Đông Hải) - Mây và gió (Minh Quân) - Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền)

	- Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích) - Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn) *** Chủ đề: Quê hương đất nước- Bác Hồ** - Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng) - Múa với bạn tây nguyên (Phạm Tuyên) - Trái đất này là của chúng mình (Nhạc: Trương Quang Lục; Lời: Định Hải) - Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) - Yêu Hà Nội (Bảo Trọng) - Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông) - Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ (Phạm Tuyên) - Cháu vẫn nhớ trường mầm non
86. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức khác (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
87. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm + Làm tranh cuối chủ đề + Làm hoa từ tăm bông + Làm quà tặng chú bộ đội + Tạo hình từ lá cây + Làm con vật từ vỏ nghêu, lá ngô khô, bèo tây… + Ghép bông hoa bằng hạt đậu, ngô, vỏ lạc, vỏ nghêo… + Làm tranh từ sỏi đá, cát + Làm chiếc thuyền từ que kem + Làm cái mũ từ các hộp sữa chua…

88. Tré thê hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuât. (CS55,56,57,58,59)	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Biết bày tỏ cảm xúc xuýt xoa, thưởng thức cái đẹp trong cuộc sống - Trẻ làm quen và nhận biết các loại hình nghệ thuật truyền thống như: Hát dân ca các vùng miền, hát chèo, cải lương.... - Biết yêu quý và giữ gìn sản phẩm nghệ thuật và trong thiên nhiên: Thưởng thức và bảo vệ các sản phẩm nghệ thuật nơi công cộng: Không vẽ bậy, không bẻ cành ngắt hoa, lá, không dẫm đạp lên bồn hoa...
89. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục +Vẽ, tô màu đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non + Trang trí rèm cửa lớp học + Trang trí khăn quàng cổ + Vẽ cô giáo + Vẽ tô màu chân dung bé + Vẽ người thân trong gia đình + Vẽ cái nồi + Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông + Vẽ trang trí cái cốc + Trang trí tán lá cây + Trang trí bưu thiếp ngày tết + Vẽ con gà trống + Vẽ tô màu trường tiểu học + Vẽ thuyền trên biển + Vẽ trang phục theo ý thích

	+ Vẽ cảnh quê hương + Vẽ theo ý thích + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái + Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo + Vẽ động vật sống trong rừng + Vẽ trang trí ảnh Bác
90. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng cắt (Cắt đường thẳng, đường cong, đường cong nhọn, đường dích dắc, đường bao…), xé (Xé vụn, xé dãi, xé mảng, xé theo đường bao, đường cong tròn, đường cong nhọn…), dán (Kỹ năng lấy, phết hồ, đặt đúng vị trí và miết…), để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng. + Cắt dán đồ chơi trong trường mầm non + Cắt dán áo bạn trai, bạn gái + Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học + Xé dán đàn cá + Cắt dán hình ảnh một số nghề + Xé dán cây ăn quả + Cắt dán tủ quần áo + Cắt dán động vật sống trong rừng + Dán hoa tặng me, tăng cô + Xé dán một số loại rau củ quả + Cắt dán ô tô + Xé dán đám mây + Xé dán cột đèn hiệu giao thông + Cát dán theo ý thích
91. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn (Xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, làm lỏm, bẻ loe, nắn, vuốt nhọn, uốn cong, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bằng bàn tay…)để tạo ra sản phẩm có màu

	sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối, hợp lý. + Nặn cái làn + Nặn các con vật nuôi trong gia đình + Nặn một số loại rau củ quả + Nặ theo ý thích + Nặn theo đề tài + Nặn các phương tiện giao thông. + Nặn bánh trung thu + Nặn hình người
92. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình, in hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối(CS63)	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình(Gấp đôi, gấp ba, gấp 4…miết dọc và lộn giấy…), In (Kỹ năng in bằng bàn tay, ngón tay, bàn chân, sử dùng các loại phương tiện in khác nhau…)để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối.
93. Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu săc, hình dáng, bố cục và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình vè màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.
94.Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vân động theo nhac(CS60)	-Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. - Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn -Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh (Bằng miệng, lá cây, …) , vận động theo các bản nhạc (Nhảy hiphop, nhảy erobic, zumba, chachacha, disco,…) bài hát yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ phù hợp để sử dụng theo ý thích
95. Tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ	- Tô màu đều, không chờm ra ngoài nét vẽ

	- Cầm bút đúng: Bằng ngón trỏ và ngón cái và ngón giữa
96. Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản (CS7)	- Cắt được hình, không bị rách - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ
97. Trẻ tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó(CS61)	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình

P. HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Liên